TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST.
Ngày: 21.7.2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà*:** ông P. L. L .

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: P. T. L;
2. Bà: N. T. D;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà N. T. T. T – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên toà*:** Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 21.7.2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS, ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/ngày 09.7.2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **L.V.T**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 05.7.1990 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện S, tỉnh B; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 12/12 – Là Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam; hiện bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 27.5.2021; Con ông: L.V.P, SN: 1954 và bà: D.T.N, SN: 1956; Vợ: T.N.U, SN: 1990, Con: 02 người, lớn nhất SN: 2015 và nhỏ nhất SN: 2021; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt giam, giữ từ ngày 17/3/2021 đến ngày 12/4/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lĩnh; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh N.V.H – SN: 1970 (Có mặt)
Địa chỉ: Khu A.T, TT. M, huyện A, tỉnh B.

+ Anh N.N.Q – SN: 1978
Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B.
(Anh N.N.Q có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khi đi câu cá tại hồ Kênh ở thị trấn M, huyện A, L.V.T thấy 01 số hộ dân trồng các cây mai cảnh trong chậu để ở sát lề đường, trước nhà nên nảy sinh ý định nhổ trộm, đem về nhà mình trồng.

Nên khoảng 1 giờ 30 phút ngày 14/3/2021, L.V.T điều khiển xe mô tô 30E1-683.64 (xe được đăng ký mang tên T.N.U – vợ L.V.T) và mang theo 01 cây cuốc nhỏ, đến đường L.T.T – thị trấn M, huyện A; .L.V.T dựng xe mô tô cách nhà ông N.V.H ở khu A.T, thị trấn M, huyện A, khoảng 50m rồi đi bộ đến trước nhà ông N.V.H, dùng cuốc đào bới đất trong chậu mai của ông N.V.H rồi nhổ lấy cây mai; sau khi lấy được cây mai, L.V.T dùng xe mô tô 30E1 – 683.64 chở về bỏ tại khu đất trống nhà ông N.N.Q ở thôn P, xã C, huyện A; L.V.T dựng xe tại ngã tư, cách nhà ông N.N.Q khoảng 50m rồi đi bộ đến dùng cuốc đào đất và nhổ lấy được 01 cây mai của ông N.N.Q, trồng trong chậu.

Sau khi lấy được hai cây mai, L.V.T dùng cưa cắt thu gọn (cắt ngọn, cành) hai cây mai này rồi dùng xe mô tô 30E1 – 683.64 chở về trồng tại nhà ở thôn H, xã B, huyện S, tỉnh B; đến ngày 17/3/2021 thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện A phát hiện và bắt giữ.

Vật chứng đã thu giữ: 02 cây mai; 01 cây cuốc; 01 cưa cầm tay; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 30E1 – 683.64, màu sơn đỏ (có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của Cơ quan CSĐT Công an huyện A).

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, ngày 25/3/2021 thì:

+ 01 cây mai của ông N.N.Q có đặc điểm: cao 3,5m; tán rộng 3m; chu vi thân sát gốc 0,53m, đường kính bộ rễ 1,3m; cây đang sống và có nhiều lá. Tại thời điểm bị trộm cắp, chưa bị cắt gọn, có giá: 50.000.000 đồng.

Tại thời điểm thu giữ, đã bị cắt gọn: cây mai của ông N.N.Q có đặc điểm: cao 2,1m; tán rộng 1,1m; chu vi thân sát gốc 0,53m, đường kính bộ rễ 1,3m; cây không có lá, có giá: 15.000.000 đồng.

+ 01 cây mai của ông N.V.H có đặc điểm: cao 1,5m; tán rộng 1m; chu vi thân sát gốc 0,40m, đường kính bộ rễ 0,45m; cây đang sống và có nhiều lá. Tại thời điểm bị trộm cắp, chưa bị cắt gọn, có giá: 10.000.000 đồng.

Tại thời điểm thu giữ, đã bị cắt gọn: cây mai của ông N.V.H có đặc điểm: cao 1,14m; tán rộng 0,60m; chu vi thân sát gốc 0,40m, đường kính bộ rễ 0,45m; cây không có lá, có giá: 2.000.000 đồng.

Tổng giá trị hai cây mai: Tại thời điểm bị trộm cắp, chưa bị cắt gọn, có giá: 60.000.000 đồng. Tại thời điểm thu giữ, đã bị cắt gọn, có giá: 17.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho anh N.N.Q và N.V.H 02 cây mai. Trả lại cho chị T.T.U 01 xe mô tô Honda Vision biển số 30E1 – 683.64. Số vật chứng còn lại đã chuyển giao cho Chi cục THADS huyện A gồm: 01 cây cuốc và 01 cưa cầm tay.

Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh N.N.Q số tiền 30.000.000 đồng; cho anh N.V.H số tiền 7.000.000 đồng. Cả hai bị hại không có yêu cầu gì khác và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS, ngày 26.5.2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo L.V.T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo L.V.T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của BLHS để xử phạt bị cáo L.V.T với mức án từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách. Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo L.V.T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ

sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu,trong một đêm L.V.T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chiếm đoạt được 01 cây mai trị giá 10.000.000 đồng của ông N.V.H ở Khu A.T, thị trấn M, huyện A; và 01 cây mai trị giá 50.000.000 đồng của ông N.N.Q ở thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B vào khoảng 1 giờ 30 phút ngày 14/3/2021. Tổng giá trị tài sản L.V.T chiếm đoạt là 60.000.000 đồng.

Hành vi của L.V.T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, thể hiện ý thức xem thường pháp luật Nhà nước do đó cần phải xử lý nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo L.V.T về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo L.V.T phạm tội: "Trộm cắp tài sản" với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt trị giá 60.000.000 đồng thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội; sau khi xảy ra hậu quả của vụ án, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, trước đó bị cáo đã từng tham gia công tác trong lực lượng vũ trang đạt thành tích xuất sắc được tặng nhiều Huy chương, Bằng khen, là tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được coi là tình tiết giảm nhẹ khác mà bị cáo được hưởng theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Sau khi xem xét quan hệ nhân thân của bị cáo HĐXX nhận thấy: bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, HĐXX quyết định áp dụng Điều 65 BLHS để xét xử bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo tự tu dưỡng, rèn luyện.

Nhận định này phù hợp với nhận định và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: sau khi vụ án xảy ra, bị cáo L.V.T đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại là ông N.V.H và ông

N.N.Q xong; tại phiên tòa, ông N.V.H và ông N.N.Q không có yêu cầu gì thêm nên Tòa không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: 01 cây cuốc và 01 cưa (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A, HĐXX xét thấy vật chứng này không có giá trị sử dụng; nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015, Điều 147 của BLTTDS năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo L.V.T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 173, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo L.V.T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án 21/7/2021.

Giao bị cáo L.V.T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1.Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại xong; những người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Tòa không xem xét.

3.2. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây cuốc và 01 cưa (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo L.V.T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5.Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- CA huyện A (02b);
- VKSND huyện A (02b);
- Phòng hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS H.A;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

P. L. L